|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN HƯNG YÊN**  **ĐỀ ĐỀ XUẤT** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI & ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XIV**  **MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 11**  *Thời gian làm bài: 180 phút,* *không kể thời gian giao đề* |

**Câu I (3,0 *điểm*).**

**1.** Vì sao thổ nhưỡng trên các đồng cỏ ôn đới lại có nhiều mùn hơn vùng rừng rậm xích đạo?

**2**. Trình bày vai trò của các khối khí đối với việc hình thành các đới, kiểu khí hậu trên Trái Đất.

**Câu II (2,0 *điểm*).**

Chứng minh sự phân bố dân cư là một hiện tượng kinh tế- xã hội mang tính qui luật. Tại sao hoạt động khai thác khoáng sản hiện nay tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển mà không phải ở các nước phát triển.

**Câu III (3,0 *điểm*).** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam (NXB GD từ 2009) và kiến thức đã học, hãy:

1. Chứng minh và giải thích tại sao nước ta có địa hình bờ biển đa dạng?
2. Trình bày tác động của biển Đông đến khí hậu, sinh vật nước ta. Tại sao việc xử lí các sự cố môi trường biển thường gặp nhiều khó khăn?

**Câu IV (3,0 *điểm*).** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam (NXB GD từ 2009) và kiến thức đã học, hãy:

1. Giải thích tại sao tính nhiệt đới của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta bị giảm sút mạnh?
2. Phân tích sự phân hóa thiên nhiên theo đai cao của vùng núi Tây Bắc. Giải thích tại sao thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo độ cao?

**Câu V (3,0 *điểm*).** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam (NXB GD từ 2009) và kiến thức đã học, hãy:

1. Giải thích tại sao trong chính sách dân số nước ta thực hiện từ giữa thế kỉ XX đến nay, mức gia tăng dân số không giữ cố định mà phải điều chỉnh theo thời gian?
2. Giải thích tại sao năng suất lao động nước ta còn thấp?

**Câu VI (3,0 *điểm*).**

1. Phân tích điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường biển ở nước ta.

2. Chứng minh ngành chăn nuôi nước ta hiện nay đang cơ những xu hướng phát triển tích cực.

**Câu VII (3,0 *điểm*).**

Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢNG TRANG TRẠI PHÂN THEO LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN THEO ĐỊA PHƯƠNG CỦA NƯỚC TA ( ĐƠN VỊ: TRANG TRẠI)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm 2011** | | | | | **Năm 2014** | | | | |
| Tổng số | Trồng trọt | Chăn nuôi | Nuôi trồng thuỷ sản | Khác (\*) | Tổng số | Trồng trọt | Chăn nuôi | Nuôi trồng thuỷ sản | Khác  (\*) |
| CẢ NƯỚC | 20.078 | 8.635 | 6.267 | 4.440 | 736 | 27.114 | 8.935 | 12.642 | 4.644 | 893 |
| ĐB sông Hồng | 3.512 | 43 | 2.439 | 923 | 107 | 6.133 | 36 | 4.851 | 922 | 324 |
| ĐB sông Cửu Long | 6.306 | 2.234 | 581 | 3.172 | 319 | 7.599 | 2.841 | 1.324 | 3.353 | 81 |

( *\* Trang trại khác bao gồm Trang trại lâm nghiệp và trang trại tổng hợp; Nguồn: Số liệu thống kê năm 2016 – Tổng cục thống kê Việt Nam Website:* [*https://www.gso.gov.vn/*](https://www.gso.gov.vn/) )

1. Nhận xét về sự phát triển và cơ cấu của kinh tế trang trại ở nước ta giai đoạn 2011 – 2014.

2. Giải thích tại sao số lượng trang trại cả nước tăng nhanh?

**-------- HẾT --------**

* ***Thí sinh được sử dụng Atlat địa lí Việt Nam do NXB GD phát hành, không sử dụng tài liệu khác.***
* ***Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.***

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN HƯNG YÊN**  **ĐỀ ĐỀ XUẤT** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI & ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XIV**  **MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 11** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Ý** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **I** | **1** | **1. Vì sao thổ nhưỡng trên các đồng cỏ ôn đới lại có nhiều mùn hơn vùng rừng rậm xích đạo?**  - Nguồn gốc mùn trong đất là từ sự phân hủy tàn tích sinh vật tạo thành. Hàm lượng mùn trong đất phụ thuộc vào tương quan giữa các quá trình phân hủy, tích tụ và rửa trôi, xói mòn chất mùn.  - Ở vùng đồng cỏ ôn đới : tàn tích sinh vật là cỏ- cây thân thảo: thân và lá mỏng dễ bị phân hủy tạo thành mùn.  Mưa ít nên quá trình rửa trôi xói mòn mùn trong đất hạn chế. Vì vậy đất có nhiều mùn (đất đen- secnodiom là loại đất độ phì cao nhất thế giới)  - Ở vùng rừng rậm xích đạo: tàn tích sinh vật nhiều hơn nhưng đặc tính SV là thân và lá của nhiều loại cây thân gỗ, cứng rắn, khó phân hủy hơn.  Nhưng do nhiệt ẩm dồi dào quá trình phân hủy tạo mùn vẫn diễn ra mạnh.  Tuy nhiên vùng rừng xích đạo ẩm liên tục có mưa lớn, mưa rào mạnh quá trình rửa trôi, xói mòn mùn mạnh nên lượng mùn còn lại trong đất ít hơn vùng đồng cỏ ôn đới. | **1,5 đ**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **2** | **2. Trình bày vai trò của các khối khí đối với việc hình thành các đới, kiểu khí hậu trên Trái Đất.**  - Nêu khái niệm: Khối khí là:....  Đới, kiểu KH là:...  - Vai trò của các khối khí đối với việc hình thành các đới khí hậu trên Trái Đất:  + Căn cứ vào nhiệt độ không khí, người ta chia không khí trong tầng đối lưu thành 4 kiểu khối khí chính là cực đới (kí hiệu là A- rất lạnh), ôn đới (kí hiệu là P- lạnh), chí tuyến (kí hiệu là T- nóng), xích đạo (kí hiệu là E- nóng, ẩm) và chúng phân bố 7 khối khí ( 2A, 2P, 2T, 1E) trên bề mặt Trái Đất ở cả 2 bán cầu. Đây là căn cứ chính để tạo nên 4 đới khí hậu chính là cực, ôn đới, nhiệt đới và xích đạo.  + Các khối khí dịch chuyển theo chuyển động biểu kiến của Mặt Trời là cơ sở để hình thành các đới khí hậu cận, và kiểu KH gió mùa.  . Cận cực: mùa đông chịu sự chi phối của khối khí cực, mùa hè chịu sự chi phối của khối khí ôn đới.  . Cận nhiệt: mùa đông chịu sự chi phối của khối khí ôn đới, mùa hè chịu sự chi phối của khối khí nhiệt đới.  . Cận xích đạo: mùa đông chịu sự chi phối của khối khí chí tuyến, mùa hè chịu sự chi phối của khối khí xích đạo.  . Đới, kiểu KH gió mùa: sự thay đổi tính chất, khí áp các khối khí theo mùa giữa lục địa và đại dương hình thành nên đới KH gió mùa: ôn đới gió mùa, cận nhiệt đới gió mùa, nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo gió mùa.  + Căn cứ vào độ ẩm của các khối khí, người ta chia thành 2 kiểu: khối khí khô- kí hiệu là c và khối khí ẩm- kí hiệu là m. Đây là căn cứ để trong mỗi đới KH lại phân chia thành các kiểu KH hải dương hay KH lục địa. VD: đới KH ôn đới chia thành 2 kiểu: ôn đới hải dương và ôn đới lục địa. | **1,5 đ**  **0,25**  **0,5**  **0,5**  **0,25** |
| **II** |  | **Chứng minh sự phân bố dân cư là một hiện tượng kinh tế- xã hội mang tính qui luật.**  \* Phân bố dân cư là sự sắp xếp dân số một cách tự phát hoặc tự giác trên một lãnh thổ nhất định phù hợp các điều kiện sống và yêu cầu của xã hội. Tính qui luật ở đây thể hiện ở chỗ sự phân bố dân cư phải đáp ứng được các điều kiện sống của người dân và phù hợp với yêu cầu của xã hội.  \* Chứng minh:  - Trên bình diện toàn thế giới:  Dân cư các nước nghèo, kém phát triển, có chiến tranh, bất ổn chính trị , xã hội thì tìm cách chuyển cư đến những nước giàu hơn, chính trị xã hội ổn định hơn tạo nên các làn sóng di cư trên thế giới. VD: KV châu Phi thường tìm cách chuyển cư đến những quốc gia Châu Âu; KV Mĩ la tinh thì tìm cách chuyển cư đến Hoa Kì, Ca na đa.  Dân cư có xu hướng tập trung đông ở vùng ven biển, vùng KH ôn hòa, nóng, ấm, mưa nhiều như ở:... là những nơi có điều kiện sống về tự nhiên thuận lợi và những vùng nằm sâu trong lục địa quá khô hạn, những vùng quá nóng như sa mạc hay quá lạnh như cực, cận cực thì dân cư thưa thớt. Tuy nhiên, sự phát triển của KH- CN đã giúp con người có thể thích ứng được với những vùng có đk KH khắc nghiệt hơn (vùng sa mạc, vùng lạnh giá) nên bức tranh phân bố dân cư cũng có sự thay đổi theo hướng này.  Một số quốc gia đã chú trọng hơn đến việc phân bố dân cư với các chính sách chuyển cư, sắp xếp dân số lại cho hợp lí hơn. Số dân thành thị tăng nhanh nhưng vẫn phù hợp với sự phát triển công nghiệp. Các vùng thưa dân nhưng giàu tiềm năng được phân bố lại dân cư để tạo điều kiện khai thác tốt nguồn tài nguyên, thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ.  - Phạm vi ở trong một quốc gia,  Các nước đang phát triển do quá trình công nghiệp hoá, gắn liền với quá trình đô thị hóa và sự phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, các ngành dịch vụ: y tế, giáo dục, thương mại,.. trong các đô thị đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về điều kiện sống của con người nên dân cư ngày càng tập trung vào một số thành phố lớn; trong khi các vùng nông nghiệp còn nghèo, cơ sở hạ tầng yếu kém, mạng lưới cơ sở giáo dục, y tế, ... kém phát triển thì dân cư thưa thớt, xuất cư nhiều hơn nhập cư.  Còn ở những nước phát triển đã hoàn thành CNH thì dân cư có xu hướng chuyển cư từ đô thị lớn sang đô thị vệ tinh, từ thành thị về ngoại ô và vùng nông thôn do csht nói chung được nâng cấp tốt, ít có sự khác biệt giữa các vùng. Những vùng có lịch sử KT lãnh thổ sớm, TN cạn kiệt thì dân cư có xu hướng chuyển cư sang những vùng có lịch sử KT muộn, TN còn nhiều. | **1,5đ**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
|  | **Tại sao hoạt động khai thác khoáng sản hiện nay tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển mà không phải ở các nước phát triển.**   * - Hoạt động khai thác khoáng sản là ngành kinh tế phân bố mang tính định hướng tài nguyên mà không phụ thuộc vào trình độ phát triển KT-XH của mỗi nước. Các nước đang phát triển là nơi phân bố chủ yếu khoáng sản. Các nước đang phát triển có số lượng đông đảo (khoảng >180 quốc gia trên TG là nước đang phát triển), chiếm phần lớn diện tích Trái Đất nên có nguồn khoáng sản giàu có. * - Thêm vào đó, những nước đang phát triển có trình độ phát triển KT-XH thấp, SXCN còn lạc hậu, chưa hoàn thành CNH nên hoạt động KT chủ yếu dựa vào khai thác thế mạnh tự nhiên trong đó có khoáng sản. Còn các nước phát triển thì ngược lại, do có nền KT phát triển, hoàn thành CNH sớm nên các nguồn tài nguyên khoáng sản trong nước đã được khai thác từ lâu, nhiều loại cạn kiệt, chi phí SX lớn, áp dụng chính sách tiết kiệm tài nguyên khoáng sản. | **0,5đ**  **0,25**  **0,25** |
| **III** | **1** | **Chứng minh và giải thích tại sao nước ta có địa hình bờ biển đa dạng?**  **\* Chứng minh:**  - Nước ta có 3260 km bờ biển với địa hình bờ biển rất đa dạng bao gồm:... (đoạn cuối cùng SGK trang 36) chia thành 3 kiểu: các dạng địa hình bồi tụ, các dạng địa hình mài mòn và các dạng địa hình bồi tụ- mài mòn.  - Phân bố: dạng địa hình bồi tụ tập trung ở khu vực cửa sông Hồng, sông Cửu Long. Địa hình bờ biển mài mòn: như đoạn bờ biển từ Phú Yên đến Ninh Thuận. Địa hình bờ biển bồi tụ - mài mòn như khu vực ven biển Quảng Ninh, từ Thanh Hóa đến Mũi Dinh...  ( Nếu thí sinh chỉ nêu các dạng địa hình mà không có dẫn chứng chỉ cho ½ số điểm)  **\* Giải thích:**  - Kết quả hình thành địa hình là do tương quan tác động giữa nội lực và ngoại lực. Địa hình bờ biển nước ta cũng như vậy chịu cả 2 tác động của nội lực và ngoại lực trong đó: tác động của nội lực (tạo nền): nước ta có lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ lâu dài, phức tạp từ cách đây > 2 tỉ năm. Giai đoạn cổ kiến tạo với nhiều lần trải qua các chu kì kiến tạo: vận động uốn nếp, đứt gãy, sụt võng xảy ra ở nhiều nơi. Giai đoạn Tân kiến tạo chịu ảnh hưởng của vận động tạo núi An pơ Himalaya cùng những biến đổi KH toàn cầu kéo theo đó là những chu kì biển tiến, biến thoái làm tác động mạnh mẽ đến địa hình bờ biển nước ta. Tạo nền cho các hoạt động ngoại lực ảnh hưởng.  - Ngoại lực đóng vai trò chính: trong suốt thời kì Tân kiến tạo (kéo dài từ khoảng 65tr năm trước cho đến tận ngày nay) trên toàn lãnh thổ nước ta, cả đất liền lẫn vùng biển, tác động của nội lực yếu, ngoại lực mạnh. Nên vùng bờ biển, địa hình chịu tác động của các quá trình ngoại lực do nước sông, nước biển, sóng biển,... gây nên điển hình là các quá trình xâm thực (VD: vùng bờ biển duyên hải Nam Trung Bộ, bờ biển Quảng Ninh), mài mòn (VD: bờ biển Bắc Trung Bộ, bờ biển Ninh Thuận, Bình Thuận), quá trình bồi tụ (bờ biển vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan) | **1,5 đ**  **0,25**  **0,25**  **0,5**  **0,5** |
| **2** | **Trình bày tác động của biển Đông đến khí hậu, sinh vật nước ta. Tại sao việc xử lí các sự cố môi trường biển thường gặp nhiều khó khăn?**  - Khái quát về biển Đông: rộng, tương đối kín, vùng biển nhiệt đới ẩm gió mùa...  - Tác động của biển Đông:  + Tích cực:   * Đến khí hậu nước ta: Làm KH nước ta mang tính hải dương, điều hòa hơn:Tăng cường độ ẩm cho các khối khí qua biển trước khi đi vào đất liền.Làm ấm, bớt lạnh các khối khí mùa đông, làm mát bớt nóng các khối khí mùa hè (do tính chất mất nhiệt của nước vào mùa đông chậm nên mặt biển ấm hơn vào mùa đông; ngược lại về mùa hè tính chất hấp thụ nhiệt của nước chậm nên mặt biển mát hơn) -> Giảm tính khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và dịu bớt tính nóng bức trong mùa hạ. * Đến sinh vật nước ta: Làm tăng tính đa dạng của tài nguyên sinh vật. Biển Đông giàu tài nguyên SV biển: >2000 loài cá, 1647 loài giáp xác,...   + Tiêu cực: Tăng cường các thiên tai: bão, sạt lở bờ biển, cát bay cát lấn,... làm KH nước ta bất ổn định hơn. Sự đa dạng của SV dẫn đến việc khai thác hải sản đòi hỏi vốn đầu tư cho ngư cụ lớn, hiệu suất sử dụng ngư cụ không cao, công phân loại sản phẩm nhiều,...  **- Việc xử lí các sự cố môi trường biển thường gặp nhiều khó khăn do:**  + Môi trường biển là môi trường nước- chất lỏng, có tính linh động cao lại có dòng biển, sóng, thủy triều, gió,.. hoạt động phức tạp nên khi xảy ra sự cố thường ảnh hưởng trên diện rộng, khó xác định phạm vi, hậu quả thường khó dự đoán, kiểm soát.  + Việc huy động người, phương tiện, công cụ xử lí thường phức tạp và tốn kém hơn. Ngoài ra, biển Đông còn là biển chung giữa nước ta với các nước xung quanh nên việc xử lí sự cố cũng khó khăn hơn do cần nhiều bên liên quan cùng phối hợp giải quyết. | **1,5đ**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **IV** | **1** | **1. Giải thích tại sao tính nhiệt đới của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta bị giảm sút mạnh?**  - Biểu hiện: sự giảm mạnh về nhiệt độ TB năm (*dẫn chứng*), nhiệt độ TB tháng 1 giảm mạnh (*dẫn chứng*), có 3, 4, 5 tháng lạnh nhiệt độ dưới 180C…  - Nguyên nhân:  + Chủ yếu là do tương quan giữa vị trí địa lí là vùng đầu tiên ở phía Bắc và Đông Bắc nước ta với hướng gió mùa Đông Bắc đến nước ta theo hướng ĐB. Nên vùng này là vùng đầu tiên đón gió mùa ĐB chưa bị biến tính nên bản chất lạnh của GM ĐB thể hiện rõ nét nhất (GM ĐB mang theo khối không khí cực đới lục địa rất lạnh NPc từ cao áp Xi bia đến).  + Đặc điểm địa hình đồi núi với các cánh cung núi mở rộng ở phía Bắc, chụm lại về phía Nam tạo thành dạng địa hình phễu hút gió nên GMĐB với tính chất lạnh khô đã xâm nhập và tác động mạnh mẽ nhất đến miền này làm cho nền nhiệt độ của miền bị hạ thấp nhanh chóng… giảm tính chất nhiệt đới.  + Có các khu vực núi cao, núi trung bình ở thượng nguồn sông Chảy, Hà Giang làm hạ thấp nhiệt độ theo độ cao, phá vỡ tính nhiệt đới.  + Vị trí gần chí tuyến Bắc: góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng ít hơn, nền nhiệt độ thấp hơn so với các vùng khác. Vào mùa đông, trời lạnh, u ám, nhiều mây làm cản trở bức xạ MT, lượng nhiệt bề mặt đất nhận được cũng ít hơn. | **1,5 đ**  **0,25**  **0,5**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **2** | **Phân tích sự phân hóa thiên nhiên theo đai cao của vùng núi Tây Bắc. Giải thích tại sao thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo độ cao?**  **Sự phân hóa đai cao vùng núi Tây Bắc**:  Giới thiệu vị trí vùng núi Tây Bắc: ranh giới nằm ở giữa thung lũng sông Hồng và sông Cả. Trong khoảng độ cao này, thiên nhiên Tây Bắc có sự phân hóa thành 3 đai cao:  + Đai nhiệt đới gió mùa (< 600 – 700m): KH..., đất..., SV..., phân bố ở vùng núi thấp Sơn La, Hòa Bình, Tây Thanh Hóa, Tây Nghệ An, thung lũng sông Đà, sông Mã, các cánh đồng Điện Biên, Mường Thanh,...  + Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi (trên 600 – 700m-> 2600m): KH..., đất..., SV..., phân bố ở vùng núi trung bình giáp biên giới Việt Lào, độ cao trung bình trên sườn núi Hoàng Liên Sơn,...  + Đai ôn đới núi cao (từ 2600m trở lên): KH..., đất..., SV..., phân bố ở các đỉnh núi cao Hoàng Liên Sơn như Fansipan  *(nếu HS có đủ cả ý giới thiệu vị trí giới hạn vùng núi Tây Bắc và ý này thì mới cho đủ 0,25đ)*  **Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo độ cao vì:**  + Địa hình nước ta đa dạng gồm cả đồng bằng < 200m, đồi từ 200-500m, CN và núi thấp từ 500-1000m, CN & núi trung bình từ 100-2000m và CN, SN & núi cao trên 2000m với đỉnh núi có độ cao lớn nhất là 3143m( đỉnh Fansipan)  + Nhiệt độ, độ ẩm, khí áp, gió (...) thay đổi theo độ cao làm khí hậu và các thành phần tự nhiên khác thay đổi (...)  + Ngoài ra sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta diễn ra không đồng nhất giữa các vùng, miền còn do ảnh hưởng của vị trí địa lí, hướng cấu trúc địa hình và hoạt động của gió mùa. VD: sự hạ thấp độ cao đai nhiệt đới gió mùa xuống 400-500m ở vùng núi Đông Bắc trong khi độ cao giới hạn đai nhiệt đới ở vùng núi Trường Sơn Nam là 900-1000m. | **1,5đ**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **V** | **1** | **Tại sao trong chính sách dân số nước ta thực hiện từ giữa thế kỉ XX đến nay, mức gia tăng dân số không giữ cố định mà phải điều chỉnh theo thời gian?**  - Sự gia tăng dân số không hợp lý (tăng quá nhanh hay quá chậm) cũng đều ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Gia tăng dân số phù hợp với tốc độ tăng trưởng KT sẽ có tác dụng thúc đẩy nền KT – XH phát triển do DS vừa là lực lượng SX vừa là thị trường tiêu thụ của nền KT. Ở nước ta, tùy từng thời gian có bối cảnh KT- XH khác nhau: tình hình phát triển KT và tình hình gia tăng DS thay đổi liên tục. Cụ thể:  - Từ nửa sau thế kỉ XX đã xảy ra tình trạng bùng nổ dân số: tốc độ tăng DS quá cao so với tốc độ phát triển KT (dẫn chứng),  -> từ đó gây sức ép lớn tới sự phát triển kinh tế xã hội và tài nguyên môi trường (*phân tích kĩ và có dẫn chứng hợp lí*) -> Vì thế giai đoạn này nước ta phải kiềm chế mức tăng dân số, giảm tỷ lệ sinh. (Nếu không phân tích và dẫn chứng hợp lí chỉ cho từ 0,25đ)  - Từ khi chuyển sang TK XXI và nhất là khoảng 10 năm trở lại đây: do thành tựu của việc nâng cao mức sống, nhận thức của người dân, kết quả của chính sách DSKHHGĐ thực hiện ở giai đoạn trước nên mức sinh và tỷ lệ tăng dân số đã giảm mạnh (từ 2009 đến nay chỉ còn khoảng 1%)  -> điều này góp phần làm tăng nhanh quá trình già hoá dân số, giảm thời gian của giai đoạn "dân số vàng". Nếu như các nước phát triển trên thế giới có khoảng 50 năm là thời kì DS vàng- DS có lực lượng lao động dồi dào nhất, tỉ lệ DS phụ thuộc thấp nhất- là điều kiện tốt nhất để tận dụng lực lượng lao động phát triển KT, làm giàu sau đó mới chuyển sang giai đoạn DS già thì ở nước ta dự kiến chỉ có khoảng 30 năm là thời kì DS vàng do tỉ lệ gia tăng DS giảm nhanh nên nền KT- XH nước ta đứng trước thách thức: "Chưa kịp làm giàu thì đã già" . Vì thế, ở giai đoạn hiện nay, nước ta lại đang điều chỉnh mức tăng dân số theo hướng khuyến khích sinh đủ (sinh đủ 2 con)  - Mức sinh và tăng tự nhiên khác nhau giữa các năm và các khu vực: giữa các vùng KT: những vùng KT phát triển, mức sống dân cư cao như ĐNB thì mức tăng DS thấp ngược lại những vùng KT kém phát triển, mức sống DC thấp như TN, TD&MNBB thì mức tăng DS cao. Ở nông thôn, mức tăng DS cao hơn ở thành thị. Giữa các thành phần dân tộc do nhận thức, quan niệm, tập quán lối sống, trình độ phát triển KT khác nhau mà mức sinh cũng khác nhau và có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội từng vùng, miền, dân tộc khác nhau. Vì thế, ở mỗi đơn vị lãnh thổ nhỏ hơn cấp quốc gia thì đều cần điều chỉnh mức tăng dân số phù hợp với tình hình phát triển KT-XH cụ thể tại địa phương. | **2,0đ**  **0,25**  **0,25**  **0,5**  **0,25**  **0,5**  **0,25** |
| **2** | **Giải thích tại sao năng suất lao động nước ta còn thấp?**  - Hạn chế của người lao động nước ta:  + Trình độ lao động chưa cao: đa số lao động chưa qua đào tạo, lao động thiếu kĩ năng, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc.  + Tác phong lao động chưa tốt, tính kỉ luật yếu, chưa chăm chỉ, sáng tạo,….  - Cơ quan, bộ phận, người quản lý và sử dụng lao động còn hạn chế: Tổ chức lao động chưa khoa học: sử dụng lao động chưa phù hợp với năng lực, tổ chức bộ máy nhân sự cồng kềnh, chưa khoa học….  + Đặc điểm nền KT, các ngành KT nước ta: Nông nghiệp (nhất là trồng trọt) vẫn đóng vai trò quan trọng và còn thu hút một lượng lớn lao động, lao động ở KV nhà nước,...Cơ chế thị trường chưa phát triển sâu rộng → thiếu động lực cạnh tranh để nâng cao năng suất lao động. Cơ giới hóa, tự động hóa SX của nền KT nước ta còn thấp công nghệ, khoa học kĩ thuật chậm đổi mới. Lực lượng lao động lớn, nhu cầu việc làm lớn cũng là một trở ngại làm chậm quá trình cơ giới hóa SX, từ đó tác động ngược lại đến năng suất lao động khiến năng suất lao động thấp. | **1,0đ**  **0,5**  **0,25**  **0,25** |
| **VI** | **1** | **Phân tích điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tảu đường biển ở nước ta.**  - Tự nhiên:  + VTĐL tự nhiên và hình dạng lãnh thổ: nước ta nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương, tiếp giáp biển Đông, thông ra TBD nên có biển để phát triển GTVT biển. Hình dáng lãnh thổ trải dài theo chiều Bắc- Nam nên có đường bờ biển dài 3260km, vùng biển thuộc chủ quyền rộng căn cứ theo Luật biển quốc tế.  + Đặc điểm vùng biển nước ta: biển Đông là biển tương đối kín, diện tích thuộc nước ta rộng khoảng 1 tr km2, có nhiều đảo và quần đảo, tiếp giáp với vùng biển của nhiều nước.  Dọc bờ biển có nhiều vũng, vịnh rộng kín gió, nhiều nơi có thềm lục địa dốc (tập trung nhất ở DH NTB) thuận lợi xây dựng cảng nước sâu; cửa sông –biển lớn: sông Sài Gòn, sông Thái Bình, sông Cửu Long hình thành các cảng sông- biển  + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiệt độ nước biển cao quanh năm không bị đóng băng thuận lợi cho hoạt động GTVT biển diễn ra quanh năm.  - Kinh tế - xã hội:  + VT ĐL về KT- chính trị- giao thông: Nước ta nằm trong KV có nền KT sôi động bậc nhất TG hiện nay là vùng châu Á- TBD, gần với các nước có tốc độ tăng trưởng KT nhanh, các nước NIC châu Á: HQ, ĐL, Xin ga po, Hồng Công, TQ nên nhu cầu buôn bán hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu lớn  Nước ta nằm là 1 trong các cửa ngõ tiến vào châu Á nên có vị trí địa- chính trị quan trọng; nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông từ châu Á xuống châu Đại Dương, từ TBD sang ÂĐD. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình cảng biển đa dạng: cảng thương mại, cảng du lịch, cảng quân sự, cảng đầu mối hay cảng trung chuyển quốc tế.  + Đặc điểm nền KT trong nước: Nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển lớn do nước ta đang thực hiện CNH- HĐH cần một lượng lớn nguyên nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị SX mà nhiều loại trong nước chưa đáp ứng được phải nhập khẩu từ bên ngoài và cả việc đưa các sản phẩm thế mạnh của nước ta xuất khẩu ra KV và TG. Hoạt động buôn bán trong nước giữa 3 miền bắc- trung- nam cũng phụ thuộc một phần vào vận tải biển tạo cơ sở cho các cảng biển nội địa phát triển.  + Khác: Cơ sở hạ tầng và CSVC kĩ thuật: Đầu tư xây dựng các cảng biển và kết nối mạng lưới giao thông khác trên bộ. Chính sách: Nhà nước ta đang đẩy mạnh hiện đại hóa GTVT nói chung và giao thông đường biển nói riêng. | **2,0đ**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **2** | **2. Chứng minh ngành chăn nuôi nước ta hiện nay đang cơ những xu hướng phát triển tích cực.**  - Chăn nuôi dần trở thành ngành chính trong nông nghiệp và tiến dần đến sự cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi biểu hiện: GTSX, tốc độ tăng trưởng GTSX và tỉ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta tăng khá vững chắc.( d/c)  - Cơ cấu sản phẩm chăn nuôi thay đổi mạnh mẽ: tăng các sản phẩm không qua giết mổ…(d/c)  - Ngành chăn nuôi đang từng bước tiến lên sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường công nghiệp chế biến SP chăn nuôi. Tăng cường nguồn cung cấp thức ăn chăn nuôi trong nước, giảm sự lệ thuộc vào nguồn thức ăn nhập khẩu. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi, chống lây lan diện rộng.  - Thay đổi hình thức chăn nuôi: ngày càng phổ biến chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp, chăn nuôi sinh thái tạo chất lượng SP cao như nuôi bò Kô-bê ở Lâm Đồng, bò sữa ở Mộc Châu (Sơn La), Nghệ An. Xóa bỏ dần các hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ, hiệu quả KT thấp. | **1,0đ**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **VII** | **1** | Nhận xét bảng số liệu  \* Về số lượng và gia tăng các loại hình trang trại  - Tổng số trang trại của cả nước và 2 vùng đều tăng. Trong đó ĐB sông Hồng tăng nhanh hơn ĐB sông Cửu Long (CM).  - Cụ thể về số lượng trang trại phân theo từng loại hình: Tất cả các loại hình trang trại của cả nước đều tăng (tăng nhanh nhất..., tăng chậm nhất...). Vùng ĐBSH tăng số lượng loại hình trang trại khác tăng nhanh hơn loại hình trang trại chăn nuôi. ĐB sông Cửu Long: trang trại chăn nuôi tăng nhanh nhất, trang trại trồng trọt tăng khá nhanh, trang trại nuôi trồng thủy sản tăng chậm. (CM)  - Còn loại hình trang trại trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ĐB sông Hồng giảm. ĐB sông Cửu Long giảm loại hình trang trại khác (CM)  \* Về tỉ trọng, cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu: *( Thí sinh có thể lập bảng số liệu hoặc không lập bảng số liệu)*  *-* Tỉ trọng trang trại của ĐBSH, ĐBSCL so với cả nước: + Vùng ĐBSCL luôn chiếm tỉ trọng cao hơn so với ĐBSH tuy nhiên tỉ trọng của ĐBSH đang tăng nhanh còn ĐBSCL đang giảm đi.  + Trong đó: ĐBSCL có tỉ trọng trang trại trồng trọt và nhất là trang trại thủy sản luôn chiếm tỉ trọng cao so với trang trại trồng trọt và trang trại thủy sản cả nước. Còn ĐBSH, loại hình trang trại chăn nuôi lại chiếm tỉ trọng cao trong số lượng trang trại chăn nuôi cả nước. Các loại hình trang trại còn lại, hai vùng này chiếm tỉ trọng thấp so với cả nước.  - Về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu trang trại phân theo loại hình SX của cả nước, ĐBSH và ĐB SCL:  + Cả nước: Trong đó trang trại chăn nuôi và trồng trọt chiếm tỉ trọng cao. Tăng tỉ trọng trang trại chăn nuôi và trang trại khác, giảm tỉ trọng trang trại trồng trọt và trang trại nuôi trồng thủy sản.  + Vùng ĐB sông Hồng: Trang trại chăn nuôi chiếm tỉ trọng rất cao, trang trại trồng trọt chiếm tỉ trọng không đáng kể. Tăng tỉ trọng trang trại chăn nuôi và trang trại khác, giảm tỉ trọng trang trại trồng trọt và trang trại nuôi trồng thủy sản.  + Vùng ĐB sông Cửu Long: trang trại nuôi trồng thủy sản và trang trại trồng trọt luôn chiếm tỉ trọng cao, trang trại chăn nuôi chiếm tỉ trọng còn nhỏ, trang trại khác không đáng kể. Tăng tỉ trọng trang trại chăn nuôi và trang trại trồng trọt, giảm tỉ trọng trang trại nuôi trồng thủy sản và trang trại khác.  *( Nhận xét cần có dẫn chứng, nếu không có dẫn chứng trừ ½ số điểm)* | **2,0đ**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **2** | **Giải thích tại sao số lượng trang trại cả nước tăng nhanh?**  **- Số lượng trang trại của cả nước tăng nhanh do:**  + Nước ta đang đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hàng hóa: Từ sau công cuộc đổi mới KT-XH 1986, nền KT nước ta nói chung và NN nói riêng phát triển theo hướng KT hàng hóa nhiều thành phần. Từ đó, loại hình kinh tế trang trại với đặc trưng là SX hàng hóa có điều kiện để phát triển và ngày càng thể hiện nhiều ý nghĩa đối với SX NN: thúc đẩy SXNN phát triển, nâng cao hiệu quả SXNN, tạo nông sản hàng hóa, nông sản xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân, khai thác có hiệu quả các nguồn TNTN cũng như KT XH cho phát triển NN của cả nước và mỗi vùng,...  + Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển trang trại: chính sách về đất nông nghiệp và SX NN có nhiều thay đổi: nhà nước cho phép dồn thửa đổi ruộng, mua bán đất nông nghiệp để tập trung đất đai đủ lớn hình thành trang trại theo qui định. Một số vùng như ĐBSCL, ĐNB, TN, ĐBSH có địa hình bằng phẳng, đất đai tập trung thuận lợi để hình thành trang trại; ĐK KT-XH thuận lợi: nhiều vốn đầu tư, có khoa học kĩ thuật phát triển, lao động có trình độ, kinh nghiệm trong SXNN,... | **1,0đ**  **0,5**  **0,5** |

* **Tổng điểm toàn bài là 20,0 điểm**

**---------HẾT--------**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người ra đề**  (*ký và ghi rõ họ, tên)*  ***Vũ Thị Thanh***  **SĐT:** 0342.508.805 |